

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Tin học ứng dụng trong Q.Trị-208225

Ngày Thi : 14/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV325 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13122347	ĐÀO THỊ YẾN	NHI	DH13TM			2	7	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13122115	ĐẶNG THỊ KIM	NHUNG	DH13QT			2	7	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13122120	TRẦN TRỊNH QUỲNH	NHƯ	DH13QT			2	7	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12122200	VÕ THỊ NGỌC	NHƯ	DH12QT			2	6,5	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13122124	TRƯƠNG TẤN	PHÁT	DH13QT			2	7	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13122125	TRẦN THIÊN	PHÚ	DH13TM			2	6,5	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12122205	ĐẶNG HOÀNG	PHÚC	DH12QT			2	6,5	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13122126	TẠ HỒNG	PHÚC	DH13QT			2	6,5	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12122208	TRƯƠNG THỊ	PHƯƠNG	DH12TM			2	7	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13122130	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯƠNG	DH13QT			2	7	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13122134	NGUYỄN THỊ BÍCH	QUY	DH13QT			2	7	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13122367	MAI TRẦN TỔ	QUYÊN	DH13TM			2	6,5	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13122135	NGUYỄN THỊ HỒNG	QUYÊN	DH13QT			2	6,5	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13122137	HUỲNH ANH	QUỲNH	DH13QT			2	7	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12122308	NGUYỄN THỊ THU	SƯƠNG	DH12TM			2	7	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12122288	TẠ NGUYỄN THẢO	SƯƠNG	DH12QT			2	6,5	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12122216	ĐÀO LƯU HỮU	TÀI	DH12QT			2	7	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Tin học ứng dụng trong Q.Trị-208225

Ngày Thi : 14/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV325

Nhóm : 01

Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi 30	Điểm T. kết 30	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	13122143	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	DH13QT	✓			✓	✓	✓	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	11122111	PHẠM QUỐC THÁI	DH11QT	✓			✓	✓	✓	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12122221	ĐOÀN THỊ XUÂN	DH12QT	Thao			2	7	9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13122152	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG	DH13TM	Thao			2	7	9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13122157	PHẠM THỊ NHƯ	DH13TM	Thao			2	7	9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13122390	NGUYỄN XUÂN	DH13TM	Thao			3	5,5	8,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13122391	NGUYỄN THIÊN	DH13TM	Thao			2	6,5	8,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12122055	NGUYỄN VĂN	DH12TM	Thao			2	7	9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12122233	PHẠM THỊ BÍCH	DH12QT	Thao			2	6,5	8,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12122235	NGUYỄN THỊ ANH	DH12TM	Thao			2	7	9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12122312	CÙ THỊ CẨM	DH12QT	Thao			2	7	9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13122178	NGÔ THỊ PHỤNG	DH13QT	Thao			2	6,5	8,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13122182	NGUYỄN CÔNG	DH13QT	Toai			2	6,5	8,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12122290	HỒ HỮU	DH12TM	Thao			2	6,5	8,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13122183	DƯƠNG THỊ THÙY	DH13QT	Thao			2	7	9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13122187	NGUYỄN THỊ THÙY	DH13QT	Thao			3	6	9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	13122188	VÕ NGỌC	DH13QT	Thao			3	6	9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Tin học ứng dụng trong Q.Trị-208225

Ngày Thi : 14/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV325 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
35	13122421	LƯƠNG THỊ NGỌC TRÂM	DH13TM	<i>man</i>			2	7	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	13122427	TRẦN THẾ NGỌC TRÂM	DH13TM	<i>man</i>			2	6,5	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	13122196	HỒ THỊ PHƯƠNG TRINH	DH13QT	<i>Phu</i>			3	6	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	13122430	NGÔ THỊ TUYẾT TRINH	DH13QT	<i>Tuyết</i>			2	7	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	13122201	TRẦN THỊ TUYẾT TRINH	DH13TM	<i>Tuyết</i>			3	6	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	12122260	NGUYỄN THỊ SON TRÚC	DH12QT	<i>Son</i>			2	6,5	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	13122215	VÕ THỊ CẨM TÚ	DH13QT	<i>Tu</i>			2	6,5	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	13122212	CHẾ VĂN TÙNG	DH13QT	<i>V. Tùng</i>			3	6	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	12122147	TRỊNH THỊ THU TUYỀN	DH12QT	<i>Tuyen</i>			2	6,5	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	12122266	HOÀNG NGUYỄN VI	DH12QT	<i>Vy</i>			3	5,5	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	13122222	NGUYỄN VĂN VIỆT	DH13QT	<i>Viet</i>			3	6	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	12122272	LÊ THỊ TƯỜNG VY	DH12TM	<i>Vy</i>			2	7	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	12122072	PHAN NGỌC VY	DH12TM	<i>Vy</i>			2	7	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	13122227	NGUYỄN VŨ HOÀNG MA XUÂN	DH13QT	<i>Ma</i>			2	7	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	13122234	NGUYỄN HUỲNH NHƯ Ý	DH13TM	<i>Y</i>			2	6,5	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	13122229	HỒ THỊ KIM YÊN	DH13QT	<i>Yen</i>			2	7	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vãng:

Hiện diện: :

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Tha
Trần Nguyễn Thạc

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Tin học ứng dụng trong Q.Trị-208225

Ngày Thi : 14/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV323

Nhóm : 01

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13122008	TRƯƠNG THỊ NGỌC ÁNH	DH13TM	<i>Ngocanh</i>			2	7	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	12122103	TRƯƠNG TRẦN HOÀNG	DH12QT	<i>Hoang</i>			2	6,5	8,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	13122241	NGUYỄN ĐÌNH	DH13TM	<i>Phuoc</i>			2	7	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	12122106	BÙI THỊ	DH12TM	<i>Cam</i>			2	7	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	12122004	PHẠM TRUNG	DH12QT	<i>Leh</i>			2	7	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	13122013	LÊ PHƯƠNG QUẾ	DH13TM	<i>Quoc</i>			2	6,5	8,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	13122017	NGUYỄN THỊ KIM	DH13QT	<i>Kim</i>			2	6,5	8,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	13122022	PHAN THANH	DH13TM	<i>Thanh</i>			2	7	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	13122249	NGUYỄN THỊ LAY	DH13QT	<i>Lay</i>			2	6,5	8,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	13122024	TRẦN	DH13TM	<i>Tran</i>			2	6,5	8,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	13122026	LƯƠNG THỊ	DH13QT	<i>Duc</i>			3	6	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	13122029	PHẠM THỊ NGỌC	DH13QT	<i>Ngoc</i>			2	7	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	12122282	TRẦN MỸ	DH12QT	<i>My</i>			2	6,5	8,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	13122030	TRẦN THỊ THÙY	DH13QT	<i>Thuy</i>			2	6,5	8,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	13122033	NGUYỄN THỊ THÙY	DH13QT	<i>Thuy</i>			2	7	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	13122260	VÕ THÀNH	DH13TM	<i>Thanh</i>			2	6,5	8,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	13122038	PHẠM THỊ	DH13TM	<i>Phuoc</i>			2	6,5	8,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Tin học ứng dụng trong Q.Trị-208225

Ngày Thi : 14/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV323 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	12122323	TRIỆU THỊ GIANG	DH12QT	<i>giang</i>			2	7	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
19	13122269	NGUYỄN THỊ HÀ	DH13QT	<i>ha</i>			2	6,5	8,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	13122044	HOÀNG THỊ HỒNG	DH13QT	<i>hong</i>			2	7	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21	13122046	VŨ THỊ HẠNH	DH13TM	<i>hanh</i>			2	7	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	13122043	THÁI THỊ NHƯ	DH13QT	<i>Au</i>			2	6,5	8,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	13122049	PHẠM NGỌC HẰNG	DH13QT	<i>ngoc hung</i>			2	6,5	8,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	13122277	NGUYỄN TRUNG HẬU	DH13TM	<i>hu</i>			2	6,5	8,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	13122278	NGUYỄN THỊ HIỀN	DH13TM	<i>hien</i>			2	7	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	12122022	LÊ THANH HUY	DH12QT	<i>huy</i>			2	7	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27	13122060	ĐỖ NGUYỄN NHƯ HUYỀN	DH13QT	<i>nhu huyen</i>			2	6,5	8,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
28	12122146	TRẦN THỊ NGỌC HUYỀN	DH12QT	<i>ngoc huyen</i>			2	7	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
29	12122158	TRẦN THỊ TUYẾT LAN	DH12QT	<i>lan</i>			2	7	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
30	13122070	TRẦN THUY HOÀNG LAN	DH13QT	<i>thuy</i>			2	7	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
31	13122073	CHÍ NHỊT LÂY	DH13QT	<i>nhit</i>			2	7	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
32	13122319	HỒ SỸ LINH	DH13TM	<i>linh</i>			2	7	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
33	13122076	NGUYỄN BÙI MỸ LINH	DH13TM	<i>linh</i>			2	6,5	8,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
34	13122079	TRẦN GIA LINH	DH13TM	<i>linh</i>			2	7	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Tin học ứng dụng trong Q.Trị-208225

Ngày Thi : 14/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV323

Nhóm : 01

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
35	13122082	NGUYỄN THỊ LOAN	DH13QT				2	7	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	13122323	NGUYỄN HỮU LỘC	DH13QT				2	7	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	12122174	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	DH12TM				2	6,5	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	13122092	VÕ LÊ NHẬT	DH13QT				2	7	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	12122177	TRẦN VĂN MONG	DH12TM				2	6,5	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	13122098	NGUYỄN THỊ LỆ	DH13TM				2	7	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	08222115	TRƯƠNG THỊ MỸ	TC08QTTD				2	7	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	13122335	TRẦN THỊ BẢO	DH13TM				2	7	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	13122102	TRẦN THỊ KIM	DH13QT				2	6,5	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	13122106	VƯƠNG THẾ NGỌC	DH13TM				2	6,5	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	13122107	BÙI TỔ NGUYỄN	DH13TM				2	7	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	12122184	LÊ ĐĂNG THẢO	DH12QT				2	6,5	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	12122303	NGUYỄN THỊ THẢO	DH12TM				2	6,5	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	13122111	AO THỊ MINH	DH13QT				2	6,5	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	12122192	VÕ CÔNG NHÂN	DH12QT				2	7	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	13122112	HUỖNH THANH NHẬT	DH13QT				2	6,5	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vãng:

Hiện diện: :

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Thao
Tiêu Nguyễn Thao